

## QUỐC HỘI VÀ CHỦ TỊCH NƯỚC

### LỆNH số 17-LCT của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Căn cứ điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Căn cứ Nghị quyết ngày 23 tháng 3 năm 1963 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Nay công bố:

Pháp lệnh quy định cơ quan phụ trách quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy và chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan phòng cháy và chữa cháy.

Hà-nội, ngày 5 tháng 4 năm 1963

Chủ tịch

Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

**HỒ CHÍ MINH**

**PHÁP LỆNH** quy định cơ quan phụ trách quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy và chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan phòng cháy và chữa cháy.

Xét công tác phòng cháy và chữa cháy có liên quan mật thiết với công tác bảo vệ trật tự, an ninh chung do Bộ Công an đảm nhiệm;

Theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa quy định cơ quan phụ trách quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy và chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan phòng cháy và chữa cháy như sau:

**Điều 1.** — Chuyển giao việc quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy từ Bộ Nội vụ sang cho Bộ Công an.

Đặt Cục Phòng cháy và chữa cháy trực thuộc Bộ Công an.

Đặt các đội phòng cháy và chữa cháy chuyên nghiệp của thành phố, tỉnh và những đơn vị hành chính tương đương trực thuộc cơ quan Công an của thành phố, tỉnh và những đơn vị hành chính tương đương.

**Điều 2.** — Lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên nghiệp gồm có sĩ quan, hạ sĩ quan và chiến sĩ.

Chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan phòng cháy và chữa cháy theo chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân đã được quy định trong pháp lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1962.

**Điều 3.** — Những quy định trước đây về việc quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy trái với pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 23 tháng 3 năm 1963.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Chủ tịch

**TRƯỜNG CHINH**

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH** số 39-CP ban hành điều lệ tạm thời về săn, bắt chim, thú rừng.

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 12 tháng 12 năm 1962;

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay ban hành, kèm theo nghị định này, điều lệ tạm thời về săn, bắt chim, thú rừng.

**Điều 2.** — Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, ông Bộ trưởng Bộ Công an, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 5 tháng 4 năm 1963

T. M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

**PHẠM VĂN ĐỒNG**

**ĐIỀU LỆ TẠM THỜI**

**về săn, bắt chim, thú rừng  
của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.**

**MỤC ĐÍCH CỦA ĐIỀU LỆ**

Chim, thú rừng là một nguồn tài nguyên phong phú của nước ta, có giá trị về kinh tế và khoa học. Đó là tài sản chung mà mọi người đều có nhiệm vụ bảo vệ và làm cho ngày càng dồi dào.

Việc săn, bắt chim, thú rừng không phân biệt giống, loài, mùa săn và bằng mọi phương tiện, đã gây nhiều tổn thất đối với các loài chim, thú rừng ở nước ta, có những loài quý đến nay gần như bị tiêu diệt.

Để bảo vệ và phát triển những loại có ích, hiếm và quý, đồng thời khai thác hợp lý tài nguyên về chim, thú rừng, cần quy định việc săn, bắt chim, thú rừng bằng một điều lệ, bước đầu là một điều lệ tạm thời, nhằm:

— Bảo vệ các loài chim, thú rừng có ích, hiếm và quý, và bảo vệ chim, thú rừng trong mùa sinh đẻ, trong những trường hợp chúng không phá hoại sản xuất hoặc trực tiếp đe dọa tính mạng người;

— Ngăn cấm dùng các phương tiện săn, bắt nguy hiểm cho người và gia súc, giết hại hàng loạt chim, thú rừng;

— Dẫn dắt quản lý việc săn, bắt chim, thú rừng với mục đích kinh doanh, thể thao, giải trí; hướng dẫn việc săn, bắt chim, thú rừng của đồng bào miền núi, có chiều cố thích đáng đến phong tục, tập quán của mỗi dân tộc ở mỗi nơi.

**NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ**

**Điều 1.** — Không ai được bắn chết, bẫy chết, làm bị thương, bắt sống, thu nhặt trứng, đào hang phá tổ những loài chim, thú rừng, quý hoặc hiếm sau đây:

1. Công
2. Trí
3. Gà sao, gà lôi
4. Tê giác
5. Heo voi
6. Voi
7. Trâu rừng
8. Bò tót (mình)
9. Bò rừng
10. Hươu sao
11. Hươu sa
12. Cheo cheo
13. Sóc bay
14. Cây bay

15. Chồn mực
16. Cu ly (cù lùn)
17. Vượn
18. Véo (vá, cẳng, tắc rộc)
19. Tê tê (trút, xuyên sơn giáp).

Ngoài số chim, thú rừng ấy, Tổng cục Lâm nghiệp có thể đề nghị bổ sung thêm vào danh sách kể trên, nếu sau này thấy cần thiết.

**Điều 2.** — Có thể bắn chết, bẫy chết, hoặc bắt sống các loại thú rừng sau đây trong những trường hợp chung, trực tiếp uy hiếp tính mạng người:

1. Hồ (cọp, hùm, khái...)      3. Gấu
2. Báo, beo, gấm              4. Chó rừng

**Điều 3.** — Để bảo vệ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, cần tìm mọi cách xua đuổi các loài chim, thú rừng đến phá hoại sản xuất; nếu xua đuổi không có kết quả thì có thể bẫy sống, bắt sống, hoặc bẫy chết, bắn chết chúng trong phạm vi đất đai trồng trọt, chăn nuôi, và liền chung quanh phạm vi đó.

Đối với voi đến phá hoại đồng ruộng, nương rẫy, vườn tược, nhà cửa, chỉ được bắn chết nếu đã tích cực xua đuổi mà không có hiệu quả. Sau khi bắn chết voi, phải báo cáo lên Ủy ban hành chính huyện sở tại.

**Điều 4.** — Nhân dân có thể săn, bắt các loài chim, thú rừng ngoài những loài đã kể trong điều 1 và điều 2 nói trên với mục đích cải thiện đời sống, giải trí, thể thao, trong mùa săn do Tổng cục Lâm nghiệp quy định hàng năm, và ngoài những khu cấm kè trong điều 7 dưới đây.

**Điều 5.** — Để phục vụ yêu cầu khoa học, văn hóa, chăn nuôi, xuất khẩu, hoặc những yêu cầu đặc biệt khác, Tổng cục Lâm nghiệp được tổ chức hoặc cho phép tổ chức săn, bắt một số loài chim, thú rừng, kể cả những loài ghi trong điều 1, và điều 2 nói trên trong hoặc ngoài mùa săn, trong cả những khu vực cấm săn kè trong điều 7 dưới đây.

**Điều 6.** — Để bảo đảm an toàn cho người và gia súc, đề tránh làm bị thương hoặc giết hại chim, thú rừng hàng loạt, đề bảo vệ rừng cùng đất rừng, cấm dùng những phương pháp và phương tiện săn, bắt kể dưới đây:

1. Đốt đồng cỏ, bụi rậm, rừng cây đề săn, bắt.
2. Soi đèn săn đêm.
3. Gài súng.
4. Súng trận và súng trận cải biến, đạn bọc đồng đầu nhọn (trừ trường hợp Công an, bộ đội, dân quân du kích dùng bắn thú rừng để bảo vệ người và bảo vệ sản xuất).

5. Mìn, lựu đạn.
6. Tên tâm thuốc độc.
7. Chất độc để đánh bả.
8. Hãm, hố cắm chông.
9. Bẫy kiềng lớn và các loại cạm bẫy nguy hiểm khác như bẫy cắm chông, bẫy gài lao, bẫy sập dùng khúc gỗ lớn hoặc răng sắt lớn.

**Điều 7.** — Đề báo đảm an ninh chung và tạo điều kiện cho các loài chim, thú rừng sinh sống yên ổn, cấm săn, bắt trong các khu vực sau đây:

1. Những nơi tập trung đông người như nội thành, nội thị (thị xã, thị trấn) v.v...
2. Những khu bảo vệ thiên nhiên, những khu dự trữ chim, thú rừng và những khu chăn nuôi đã được Chính phủ quy định.

**Điều 8.** — Đề chim, thú rừng có điều kiện sinh sản và phát triển, Ủy ban hành chính khu, tỉnh sẽ quy định việc phân chia đất săn, bắt của địa phương mình thành nhiều khoảng, có ranh giới tự nhiên rõ ràng, và sẽ lần lượt quyết định việc cấm săn, bắt ở từng khoảng, trong thời gian cần thiết, theo sự hướng dẫn của Tổng cục Lâm nghiệp.

**Điều 9.** — Muốn săn, bắt chim, thú rừng với mục đích cải thiện đời sống, giải trí, thể thao, phải xin cấp giấy phép săn, bắt tại cơ quan lâm nghiệp (Sở, Ty, Hạt, do Tổng cục Lâm nghiệp ủy nhiệm), trừ trường hợp săn, bắt bằng những phương tiện thô sơ như ống xi đồng, que dính nhựa, lồng bẫy chim, lưới nhỏ bẫy chim, giáo mác, cung nỏ, v.v...

Cơ quan Lâm nghiệp chỉ cấp giấy phép săn bằng súng cho những người đã được cơ quan Công an cấp giấy phép dùng súng.

**Điều 10.** — Nhân dân miền núi săn, bắt chim, thú rừng với mục đích cải thiện đời sống, giải trí, thể thao, không phải xin cấp giấy phép săn, bắt, nhưng phải theo những điều kiện ghi trong điều 4 trên đây.

**Điều 11.** — Giấy phép săn, bắt chim, thú rừng có hai loại:

1. Giấy phép loại A để săn, bắt các loài thú rừng nhỏ như chồn, cầy, đon, dím, v.v... và các loài chim.
2. Giấy phép loại B để săn, bắt một số lượng nhất định (tùy theo trữ lượng thú rừng của mỗi khu, tỉnh) các loài thú rừng lớn sau đây: nai, hoẵng, sơn dương, lợn rừng.

Giấy phép săn bắt chim, thú rừng có giá trị trong một năm, kể từ ngày cấp.

**Điều 12.** — Người được cấp giấy phép săn, bắt chim, thú rừng phải nộp một khoản lệ phí như sau:

— Giấy phép loại A = 5 đồng (năm đồng)

— Giấy phép loại B = mỗi đầu thú 5 đồng (năm đồng).

Các chi tiết khác về giấy phép săn, bắt chim, thú rừng do Tổng cục Lâm nghiệp quy định.

**Điều 13.** — Những cá nhân hoặc tập thể vi phạm điều lệ này, tùy theo mức độ nặng, nhẹ, số lần vi phạm, sẽ bị xử lý theo một trong các hình phạt sau đây:

1. Cảnh cáo.
2. Tịch thu chim, thú rừng đã săn, bắt trái phép.
3. Tịch thu phương tiện săn, bắt.
4. Thu hồi giấy phép, cấm săn, bắt một thời gian hoặc cấm vĩnh viễn.

Ủy viên Ủy ban hành chính phụ trách công an xã, nhân viên cảnh sát đang thi hành nhiệm vụ, cán bộ lâm nghiệp cấp Trường đội hoặc Trường hạt trở lên, có quyền lập biên bản các vụ vi phạm điều lệ săn, bắt chim, thú rừng, tạm giữ tang vật để đợi quyết định của Ủy ban hành chính huyện, của Khu hoặc Sở Công an thành phố.

Trong khi chờ quyết định, nếu chim, thú rừng tịch thu đã chết hoặc sắp chết, thì cần phải bán ngay cho cơ quan thu mua hoặc nhân dân, theo giá của địa phương, và tạm gửi số tiền đó vào Ngân hàng.

**Điều 14.** — Những cá nhân hoặc tập thể có thành tích trong những công tác sau đây sẽ được Ủy ban hành chính khu, tỉnh hoặc huyện khen thưởng:

1. Tuyên truyền, giáo dục quần chúng thi hành đúng đắn điều lệ săn, bắt chim, thú rừng.
2. Ngăn chặn hoặc phát hiện các vụ vi phạm điều lệ săn, bắt chim, thú rừng.
3. Anh dũng bảo vệ tính mạng người chống thú dữ.

4. Kết hợp việc bảo vệ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với việc bảo vệ chim, thú rừng, bảo vệ các loài chim, thú rừng quý, hiếm và có ích.

**Điều 15.** — Điều lệ này thi hành kể từ ngày ban hành.

Đối với đồng bào miền núi; việc áp dụng điều lệ này sẽ tiến hành từng bước.

Ủy ban hành chính các tỉnh miền núi sẽ ấn định thời gian bắt đầu thi hành điều lệ này ở địa phương mình đối với đồng bào miền núi.

Điều lệ này ban hành kèm theo nghị định số 39 — CP ngày 5 tháng 4 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ.

T.M. Hội đồng Chính phủ  
Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG